

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

Nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng khối Nội và khối Ngoại và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang năm 2021

Bùi Thị Mỹ Anh^{1*}, Giảng Thị Mộng Huyền², Nguyễn Văn Dương³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhu cầu đào tạo của cán bộ y tế ngày càng lớn và rất cần thiết bởi không phải chỉ có nhu cầu của bản thân cán bộ y tế mà còn là nhu cầu, trách nhiệm của các nhà quản lý đang sử dụng nguồn nhân lực y tế. Nghiên cứu được thực hiện với hai mục tiêu: (1) Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng khối Nội và khối Ngoại và (2) Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng khối Nội và khối Ngoại tại Bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang năm 2021.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Tiến hành phát vấn 246 điều dưỡng của 12 khoa lâm sàng khối Nội và Ngoại, thực hiện phỏng vấn sâu với lãnh đạo bệnh viện, trưởng phòng tổ chức và thảo luận nhóm với các điều dưỡng trưởng khoa và điều dưỡng viên trong thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 7/ 2021.

Kết quả: Nghiên cứu cho thấy có 95,1% điều dưỡng có mong muốn được đào tạo liên tục (cao nhất là nhu cầu đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ thuật chăm sóc người bệnh). Một số yếu tố như gánh nặng công việc cá nhân, tài chính có ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tham gia đào tạo. Các yếu tố như vị trí việc làm, nhu cầu thăng tiến, công tác quản lý đào tạo có ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng.

Kết luận: 95,1% ĐD có mong muốn được ĐTLT (cao nhất là nhu cầu đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ thuật chăm sóc người bệnh). Với chuyên khoa Nội, nhu cầu đào tạo các kỹ thuật như phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, kỹ thuật bơm rửa bàng quang có tỷ lệ mong muốn được đào tạo cao nhất.

Từ khóa: Nhu cầu đào tạo, đào tạo liên tục, yếu tố ảnh hưởng, điều dưỡng, Tiền Giang.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật y học đòi hỏi đội ngũ thầy thuốc phải liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu, chữa bệnh, thay đổi về mô hình bệnh tật. Theo Ủy ban kiểm định giáo dục y học liên tục Hoa Kỳ, đào tạo liên tục (ĐTLT) bao gồm các hoạt động giáo dục được nâng cấp để duy trì, phát triển, nâng cao kiến thức, kỹ năng, hiệu suất làm

việc và tác nghiệp của nhân viên y tế để cung cấp dịch vụ y tế cho người bệnh, cộng đồng hoặc nhằm tăng cường sự chuyên nghiệp (1).

Tại Việt Nam, nghiên cứu trước đây đã tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo và cho thấy sự cần thiết phải xác định được nhu cầu ĐTLT của cán bộ y tế làm cơ sở cho việc thực hiện ĐTLT phù hợp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ này (2), (3), (4), (5). Đội ngũ điều dưỡng (ĐD) đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc người bệnh, hỗ trợ



*Địa chỉ liên hệ: Bùi Thị Mỹ Anh

Email: myanhbui@gmail.com

¹ Trường Đại học Y Hà Nội

² Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công

³ Sở Y tế Tiền Giang

Ngày nhận bài: 24/12/2022

Ngày phản biện: 20/5/2022

Ngày đăng bài: 28/02/2023

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0701SKPT21-105>

và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, giúp người bệnh được chăm sóc tốt nhất trong quá trình khám, điều trị tại các cơ sở y tế, đặc biệt là ĐD các khoa lâm sàng (6), (7).

Trong nhiều năm qua, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang luôn quan tâm đến công việc duy trì, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho cán bộ viên chức của bệnh viện nhưng công tác đào tạo cho ĐD lâm sàng tại bệnh viện vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như đội ngũ giảng viên, phương pháp đào tạo, cơ sở vật chất còn hạn chế nên chất lượng đào tạo chưa cao, luật khám chữa bệnh chưa quy định rõ về hình thức, đơn vị tổ chức, thời gian cập nhật kiến thức ... (8), (9). Từ thực tế đó, câu hỏi đặt ra nhu cầu ĐTTL của ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại như thế nào? Những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu ĐTTL của ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại là gì? Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng khối Nội và khối Ngoại và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang năm 2021”** nhằm mục tiêu mô tả nhu cầu ĐTTL và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu ĐTTL của ĐD tại BVĐK trung tâm Tiền Giang năm 2021.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng và định tính. Cấu phần định lượng nhằm mô tả nhu cầu ĐTTL của ĐD, cấu phần định tính thực hiện sau khi có kết quả định lượng nhằm tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu ĐTTL của ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại tại BVĐK trung tâm Tiền Giang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2021 tại BVĐK Trung tâm Tiền Giang năm 2021.

Đối tượng nghiên cứu: ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại tại BVĐK Trung tâm

Tiền Giang năm 2021. **Tiêu chuẩn lựa chọn:** ĐD đang công tác tại các khoa lâm sàng khối Nội và khối Ngoại, đồng ý tham gia nghiên cứu. **Tiêu chuẩn loại trừ:** ĐD không thuộc quy định được ĐTTL của bệnh viện, ĐD đi học, nghỉ thai sản, nghỉ ốm trong thời gian nghiên cứu.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu định lượng: Chọn toàn bộ 246 ĐD đang làm việc tại 12 khoa lâm sàng khối Nội và khối Ngoại của bệnh viện thỏa mãn tiêu chí lựa chọn. **Nghiên cứu định tính:** Chọn mẫu có chủ đích, gồm 02 cuộc PVS (gồm 01 đại diện lãnh đạo bệnh viện, 01 trưởng phòng Tổ chức) và 02 TLN (01 TLN với 06 ĐD trưởng các khoa, 01 TLN với 08 ĐD các khoa).

Biến số nghiên cứu: Biến số thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, nhu cầu ĐTTL của ĐD lâm sàng bao gồm nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm, nhu cầu đào tạo kỹ năng chăm sóc người bệnh và điều dưỡng cơ bản, nhu cầu đào tạo kỹ năng chuyên khoa sâu khối Nội và khối Ngoại. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu ĐTTL như gánh nặng công việc, tài chính, vị trí việc làm, nhu cầu thăng tiến, công tác quản lý đào tạo.

Công cụ và phương pháp thu thập số liệu:

Bộ công cụ định lượng được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo Thông tư 26/2020/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/08/2013 hướng dẫn việc ĐTTL cho cán bộ y tế (10), Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới của Bộ Y tế năm 2020 (11), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật ĐD cơ bản của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2010 (12), Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 hướng dẫn công tác ĐD về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện (13) để xây dựng bộ câu hỏi. Bộ câu hỏi định lượng được tiến hành phát vấn tại khoa. Bộ công cụ định tính gồm hướng dẫn PVS và TLN được xây dựng dựa trên các chủ đề định tính.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu định lượng sau khi thu thập được tổng hợp, làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0. Sử dụng thống kê mô tả xác định tần số, tỷ lệ để mô tả nhu cầu ĐTLT của ĐD. Thông tin định tính được gỡ băng, phân tích theo các nhóm chủ đề, mục tiêu nghiên cứu nhằm hỗ trợ kết quả định lượng.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức của Trường Đại học Y tế công cộng thông qua Quyết định số 284/2021/YTCC-HD3 ngày 1/6/2021 và được sự đồng ý của lãnh đạo BVĐK Trung tâm Tiền Giang

KẾT QUẢ

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=246)

TT	Thông tin	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Tuổi	20-29	42,3
		30-39	42,7
		≥ 40	15,0
2	Giới	Nam	17,5
		Nữ	82,5
3	Trình độ	Đại học và sau đại học	35,0
		Cao đẳng	43,9
		Trung cấp	21,1
4	Thâm niên công tác	< 5 năm	30,1
		5-10 năm	24,4
		10-20 năm	34,1
		≥ 20 năm	11,4
5	Thời gian làm việc tại khoa đang công tác	< 5 năm	34,1
		5-10 năm	25,6
		10-20 năm	30,5
		≥ 20 năm	9,8

Tổng số có 246 ĐD tham gia nghiên cứu, độ tuổi tập trung dưới 40 tuổi, trong đó có 42,3% độ tuổi 20-29 tuổi và 42,7% có độ tuổi từ 30-39 tuổi. Giới nữ có tỷ lệ 82,5%, nhiều hơn giới nam. Đối với khối lâm sàng đang công tác, 65,0% có trình độ trung cấp và cao đẳng (ĐD hạng IV) và 35,0% có trình độ đại học và sau đại học (ĐD hạng III). Thâm niên công tác có tỷ lệ nhiều nhất là 10-20 năm (34,1%), kể đến là có thời gian công tác ít hơn 5 năm

và người có thâm niên công tác từ 20 năm trở lên có tỷ lệ ít nhất (11,4%). Nhóm ĐD có thời gian công tác tại khoa đang làm việc ít hơn 5 năm là 34,1%, thời gian làm việc từ 10 – 20 năm là 30,5% và thời gian làm việc tại khoa từ 20 năm trở lên có tỷ lệ chiếm 9,8%.

Nhu cầu đào tạo liên tục của ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại, Bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang

Bảng 2. Nhu cầu đào tạo liên tục đối với từng nhóm kỹ thuật của ĐD (n = 246)

STT	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ năng mềm	229	93,1
2	Kỹ thuật chăm sóc người bệnh	226	91,9
3	Kỹ thuật ĐD cơ bản	217	88,2
4	Kỹ thuật ĐD chuyên khoa Nội	203	82,5
5	Kỹ thuật ĐD chuyên khoa Ngoại	176	71,6

ĐD các khoa lâm sàng tham gia nghiên cứu có nhu cầu đào tạo các nhóm kỹ thuật cao, trong đó nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm có tỷ lệ cao nhất, kế đến là nhu cầu đào tạo kỹ thuật chăm sóc người bệnh, kỹ thuật ĐD chuyên khoa Ngoại có nhu cầu đào tạo ít nhất. Hầu hết ĐD hai khối lâm sàng tham gia nghiên

cứu đều mong muốn được đào tạo kỹ năng mềm, trong đó có 90,0% mong muốn được đào tạo kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe, 85,2% mong muốn được đào tạo kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc người bệnh và 80,3% mong muốn được đào tạo kỹ năng làm việc nhóm.

Bảng 3. Các kỹ thuật chăm sóc người bệnh ĐD mong muốn được đào tạo (n = 226)

STT	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Chăm sóc vệ sinh cá nhân	195	86,3
2	Chăm sóc phục hồi chức năng	186	82,3
3	Hướng dẫn và cho người bệnh uống thuốc	184	81,4
4	Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe	180	79,7
5	Chăm sóc giảm đau	176	77,9
6	Chăm sóc về dinh dưỡng	162	71,7
7	Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật	154	68,1
8	Chăm sóc về tinh thần	151	66,8

Có nhiều ĐD tham gia nghiên cứu có mong muốn được đào tạo các kỹ thuật chăm sóc người bệnh. Tỷ lệ mong muốn được đào tạo

cao nhất là chăm sóc vệ sinh cá nhân 86,3%, thấp nhất là kỹ thuật chăm sóc về tinh thần chiếm 66,8%.

Bảng 4. Các kỹ thuật ĐD cơ bản mong muốn được đào tạo (n = 217)

STT	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Quy trình cấp cứu ngưng tuần hoàn	208	95,9
2	Quy trình cấp cứu ngưng hô hấp	208	95,9
3	Quy trình cấp cứu sốc phản vệ	201	92,6
4	Các kỹ thuật vô khuẩn	164	75,6
5	Truyền tĩnh mạch	120	55,3
6	Lấy máu tĩnh mạch	120	55,3
7	Tiêm tĩnh mạch	112	51,6
8	Tiêm dưới da	111	51,2
9	Đo dấu hiệu sinh tồn	110	50,7
10	Tiêm bắp	108	49,8
11	Tiêm trong da	107	49,3

ĐD tham gia nghiên cứu có mong muốn được đào tạo các kỹ thuật ĐD cơ bản. Trong đó, nhu cầu được đào tạo về quy trình cấp cứu ngưng tuần hoàn, quy trình cấp cứu ngưng

hô hấp có tỷ lệ cao là 95,9%. Nhu cầu đào tạo liên tục các kỹ thuật tiêm truyền cũng dao động từ 49,3% đến 55,3%.

Bảng 5. Các kỹ thuật ĐD chuyên khoa Nội mong muốn được đào tạo (n = 203)

STT	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ thuật phụ giúp BS chọc dò màng phổi	165	81,3
2	Kỹ thuật phụ giúp BS chọc dò màng bụng	158	72,8
3	Kỹ thuật phụ giúp BS chọc dò màng tim	148	68,2
4	Kỹ thuật bơm rửa bàng quang	144	70,9
5	Kỹ thuật hút đàm dãi	137	63,1
6	Chăm sóc bàn chân bệnh nhân đái tháo đường	10	4,9

Có nhiều điều dưỡng tham gia nghiên cứu có nhu cầu mong muốn được đào tạo các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa Nội, có trên 68% điều dưỡng có nhu cầu học các kỹ thuật phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi. Có 4,9% điều dưỡng có nhu

cầu học kỹ năng chăm sóc bàn chân cho bệnh nhân đái tháo đường. Kết quả nghiên cứu ghi nhận nhiều điều dưỡng có mong muốn được đào tạo kỹ thuật đặt sonde tiêu chiếm tỷ lệ cao nhất là 76,7% và thấp nhất là 62,5% ở kỹ thuật bó bột (Bảng 6).

Bảng 6. Các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa Ngoại mong muốn được đào tạo (n = 176)

STT	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ thuật đặt sonde tiêu	135	76,7
2	Kỹ thuật thay băng có vết thương thường	134	76,1
3	Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	131	74,4
4	Kỹ thuật thay băng vết thương có ống dẫn lưu	124	70,5
5	Kỹ thuật bó bột	110	62,5

Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo liên tục của ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại tại Bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang

Một số yếu tố như nhu cầu thăng tiến, công tác quản lý đào tạo có ảnh hưởng tích cực, trong khi đó các yếu tố gánh nặng công việc cá nhân, tài chính, vị trí việc làm có ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu ĐTLT của ĐD.

Các yếu tố ảnh hưởng tích cực

Nhu cầu thăng tiến: ĐD có nhu cầu thăng tiến thì nhu cầu học tập nâng cao kiến thức nhiều hơn. Kết quả thảo luận nhóm ĐD viên các khoa lâm sàng ghi nhận muốn thăng tiến trong công việc thì trước hết người ĐD phải có kiến thức chuyên môn tốt, để có được điều này người ĐD phải đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn. “*Nhu cầu thăng tiến trong công việc thì đa số đều có, muốn thăng tiến thì trước mắt chuyên môn phải tốt và muốn chuyên môn tốt thì phải đi học. Do đó, nhu cầu được đào tạo luôn luôn có nếu bản thân có nhu cầu thăng tiến trong công việc*” (TLN-ĐDV).

Công tác quản lý đào tạo: lãnh đạo bệnh viện luôn quan tâm và cố gắng tạo điều kiện để triển khai các hoạt động ĐTLT để cán bộ y tế nâng cao trình độ, chuyên môn, tay nghề. Bệnh viện có xây dựng kế hoạch, theo dõi hoạt động chuyên môn, giao phòng Tổ chức hành chính xây dựng kế hoạch về đào tạo chiến lược, phân bổ nhân sự tham gia các lớp ĐTLT. “*Nhìn chung công tác quản lý ĐTLT tại bệnh viện cơ bản là tốt, theo quy định từ*

đầu năm, các bộ phận liên quan sẽ xây dựng kế hoạch đào tạo” (PVS-LĐBV).

Các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực

Gánh nặng công việc cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu mong muốn ĐTLT, khi làm việc nhiều, áp lực công việc lớn sẽ làm cho ĐD không đủ thời gian để tham gia học các lớp ĐTLT. Khi ĐD được phân công nhiều việc thì họ không còn mong muốn đăng ký học các lớp ĐTLT hoặc khi đăng ký học thì cũng không có thời gian để tham dự các lớp ĐTLT. “*Khối lượng công việc hiện nay rất áp lực nên khi xong việc đa số các ĐD đều rất mệt mỏi và không đủ thời gian để làm những việc khác, nên việc đi học như vậy hiện là một bài toán khó*” (TLN-ĐDV).

Tài chính: Nguồn kinh phí dành cho ĐTLT chủ yếu được phân bổ từ nguồn thu của bệnh viện, trong điều kiện phải cân đối giữa nguồn thu và chi của bệnh viện nên nguồn kinh phí dành cho ĐTLT thật sự chưa đáp ứng đủ. Bệnh viện hiện nay đã thực hiện tự chủ tài chính, bệnh viện có hỗ trợ kinh phí cho ĐD khi tham gia các khóa ĐTLT, tuy nhiên việc hỗ trợ này chưa nhiều, chỉ được thanh toán một phần tiền xe, tiền lưu trú do nguồn thu của bệnh viện hiện nay cũng còn hạn chế. “*Bệnh viện hiện nay đang thực hiện theo Thông tư 43/2006/NĐ-CP về tự chủ tài chính nên công tác đào tạo phải cân đối từ quỹ phát triển sự nghiệp, tuy nhiên chỉ hỗ trợ một phần, tài chính ảnh hưởng đến công tác đào tạo liên tục của bệnh viện*” (PVS-TCCB).

Vị trí việc làm tốt sẽ giúp ĐD có động lực tham gia học tập nâng cao kiến thức, ngược lại sẽ làm cho ĐD mất động lực, không muốn đăng ký tham gia các khóa ĐTLT. “*Nếu học nâng cao lên cao đẳng hoặc tham gia các lớp đào tạo liên tục thì công việc của họ cũng vẫn như vậy, vẫn là các công việc chuyên môn bình thường tại khoa, nên không có nhu cầu tham gia học vì tốn thời gian, có một số anh chị được quy hoạch làm lãnh đạo khoa thì tích cực tham gia ĐTLT hơn*” (TLN-ĐDT).

Vị trí việc làm: ĐD làm công tác quản lý tại các khoa và những ĐD được quy hoạch vào những vị trí lãnh đạo quản lý của khoa hoặc những ĐD được phân công chăm sóc tại các phòng bệnh nhân nhẹ hơn thường tham gia các khóa ĐTLT nhiều hơn các ĐD viên ở các bộ phận khác. Nghiên cứu của Lê Thị Út Hiền tại Long An cũng cho kết quả tương tự, các cán bộ có vị trí việc làm khác nhau sẽ có nhu cầu tham gia đào tạo khác nhau, cán bộ có trình độ sau đại học thường sẽ được đề bạt lên vị trí lãnh đạo, có thái độ tích cực hơn trong việc tham gia các khóa học (18).

Hạn chế của nghiên cứu: Việc thu thập thông tin qua bộ câu hỏi phát vấn được thiết kế sẵn có thể gặp sai số do thái độ hợp tác và việc hiểu chưa chính xác nội dung các câu hỏi của ĐD. Những nội dung được đánh giá trong nghiên cứu chỉ ở góc độ chủ quan của ĐD. Nghiên cứu được tiến hành tại một bệnh viện nên kết quả nghiên cứu chỉ sử dụng cho BVĐK Tiền Giang mà có thể không khái quát được cho các bệnh viện khác.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra 95,1% ĐD có mong muốn được ĐTLT (cao nhất là nhu cầu đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ thuật chăm sóc người bệnh). Tỷ lệ mong muốn được đào tạo các kỹ thuật ĐD cơ bản là 88,2%, trong đó nhóm các kỹ thuật thực hiện quy trình cấp cứu sốc phản vệ, cấp cứu ngưng tuần hoàn, ngưng hô hấp, các kỹ thuật vô khuẩn có tỷ lệ mong muốn

được đào tạo cao nhất (từ 66,7% đến 84,6%). Với chuyên khoa Nội, nhu cầu đào tạo các kỹ thuật như phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, kỹ thuật bơm rửa bàng quang có tỷ lệ mong muốn được đào tạo cao nhất (từ 55,7% đến 67,1%). Với chuyên khoa Ngoại, nhu cầu đào tạo các kỹ thuật như thay băng vết thương có ống dẫn lưu, thay băng có vết thương thường, bó bột, đặt sonde tiểu, đặt sonde dạ dày có tỷ lệ cao nhất (từ 44,7% đến 54,9%). Một số yếu tố như gánh nặng công việc cá nhân, tài chính, vị trí việc làm có ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tham gia đào tạo. Các yếu tố như nhu cầu thăng tiến, công tác quản lý đào tạo có ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu ĐTLT của ĐD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dyson Lyn Nurse Education Today. 2009. Accessed at: <http://www.journals.elsevier.com/nurse-education-today>.
2. Nguyễn Thị Thu Hằng. Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng tại Bệnh viện C Thái Nguyên năm 2016. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện: Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2016.
3. Đặng Thị Luyến. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng tại các bệnh viện đa khoa tuyến huyện tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2018. Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng: Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2017.
4. Nguyễn Như Bình. Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác đào tạo liên tục của điều dưỡng khoa lâm sàng tại một số bệnh viện đa khoa tuyến huyện tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2017. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện: Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2018.
5. Vũ Ngọc Ánh. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại bệnh viện Quận 11 năm 2020. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện: Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2020.
6. Bộ Nội vụ. Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; 2005.
7. Bộ Y tế. Quyết định số 1352/QĐ-BYT về việc ban hành chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam; 2012.
8. Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang. Báo

- cáo tổng kết tình hình nhân lực của phòng Tổ chức cán bộ; 2019-2020.
9. Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang. Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo năm 2019-2020; 2019-2020.
 10. Bộ Y tế. Thông tư 26/2020/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế; 2013.
 11. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới. Nhà xuất bản Y học; 2020.
 12. Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận. Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2010.
 13. Bộ Y tế. Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 hướng dẫn công tác điều dưỡng và chăm sóc người bệnh trong bệnh viện; 2011.
 14. Trần Thị Tuyết Nhung. Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Thọ năm 2020. Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng; Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2020.
 15. Nguyễn Hải Hà. Thực trạng đào tạo liên tục cho cán bộ dược sĩ ở các Bệnh viện tại thành phố Hải Dương năm 2017. Khoa Y Dược; Đại học Quốc gia Hà Nội; 2017.
 16. Nguyễn Thị Hoài Thu. Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Phổi Trung ương giai đoạn 2015 – 2017. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện; Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2015.
 17. Nguyễn Dung Nghi. Thực trạng thực hiện nhiệm vụ và nhu cầu đào tạo liên tục của bác sĩ, điều dưỡng lâm sàng tại hai khoa cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa năm 2017, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2017.
 18. Lê Thị Út Hiền. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của cán bộ y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giai đoạn 2017 – 2019 và một số yếu tố ảnh hưởng. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2020.
 19. Trần Thị Thủy Tiên. Năng lực quản lý, một số yếu tố ảnh hưởng và nhu cầu đào tạo của các cán bộ quản lý tại bệnh viện Thủ Đức năm 2020. Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội; 2020.

Continous Medical Education needs and influenced factors among clinical nurses in Tien Giang general hospital in 2021

Bui Thi My Anh¹, Giang Thi Mong Huyen², Nguyen Van Duong³

¹ Hanoi Medical University

² Go Cong general hospital

³ Tien Giang Health Department

The study aimed to describe the needs and determine influenced factors continuous medical education needs among nurses in Tien Giang general hospital in 2021. A cross-sectional study was conducted with combining quantitative and qualitative approaches. A total of 246 clinical nurses was selected in this study for a self-administered questionnaire and the hospital director, head nurse, and nurses were invited for in-depth interview and focus group discussions. The results showed that 95.1% of nurses had a need for continuous medical education, in which the highest need was training in soft skills and patient care techniques. The desired training location was at the provincial general hospital, the duration of the training course was less than 7 days. Most clinical nurses chose the form of concentrated training that combines theory and practice approaches. Some factors related to financial issues, the burden of workload and job position were negative influenced factors on the training need of clinical nurses. Other factors including need for promotion, and training management were positive influenced factors on continuous medical training among clinical nurses.

Keywords: *Continous Medical Educaltion (CME), training need assessment, nurses, hosipital, Tien Giang general hospital.*